

CÔNG KHAI

Thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Tân Thông Hội
Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1512	531	490	491
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.19%	92.84%	90.41%	96.33%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6.22%	5.84%	9.18%	3.67%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.46%	0.94%	0.41%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.13%	0.38%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1512	531	490	491
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	37.1%	27.87%	36.12%	48.07%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	41.34%	43.31%	41.43%	39.10%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	20.04%	25.59%	21.02%	12.63%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.52%	2.82%	1.43%	0.20%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả	1512	531	490	491
1	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	37.04%	27.87%	35.92%	48.07%
2	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	41.4%	43.31%	41.63%	39.10%
3	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	42/35	10/18	27/14	5/3
4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.20%	0.32%	0.22%	0.12%

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				27
1	Chọn đội tuyển học sinh giỏi thi Quốc gia năm 2020				
2	Kỳ thi Học sinh giỏi máy tính cầm tay cấp Thành phố				13
3	Hội thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố				
4	Kỳ thi học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố				14
5	Kỳ thi Olympic 30/4				
6	Các giải TDTT cấp thành phố				1
V	Số học sinh dự thi tốt nghiệp THPT năm 2020				491
VI	Số học sinh nam/số học sinh nữ	634/878	222/309	218/272	194/297
VII	Số học sinh dân tộc thiểu số	26	5	8	13

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 2022



Bùi Xuân Hải